

Số: 919/2025/QĐST- HNGĐ
"Về việc xác định cha cho con".

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 88 và khoản 2 Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành lập ngày 23 tháng 12 năm 2025, về việc các đương sự thực sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình về việc: Xác định cha cho con thụ lý số 864/2025/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Nguyên đơn: **Ông Hoàng Xuân H**, sinh ngày 03 tháng 9 năm 1986; Căn cước công dân số: 042086006119 do Cục C về TTXH Bộ C1 cấp ngày 17/8/2022; Nơi thường trú: Thôn P, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị đơn: **Bà Hoàng Thanh H1**, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1985; Căn cước công dân số: 001185021055 do Cục C2 về TTXH cấp ngày 18/4/2021; Nơi thường trú: số B V, phường V, Thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện tại: số B Ngõ A T, phường L, Thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Ông Nguyễn Ngọc H2**, sinh ngày 08 tháng 11 năm 1979; Căn cước số: 038079017407 do Bộ C1 cấp ngày 18/9/2024; Nơi thường trú: Số B L, phường H, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện tại: Số F phố N (Tổ dân phố B mới), phường V, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Cháu dự định đặt tên là là Hoàng Khánh V, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2020 (theo giấy chứng sinh số 001581; quyền số 16/2020 ngày 20/9/2020 của Bệnh viện T) là con đẻ của ông Hoàng Xuân H; sinh ngày 03 tháng 8 năm 1991; sinh ngày 03 tháng 9 năm

1986; Căn cước công dân số: 042086006119 do Cục C về TTXH Bộ C1 cấp ngày 17/8/2022; Nơi thường trú: Thôn P, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh được xác định tại kết luận giám định Pháp y ADN số 026/26/KLGDADN-PYQG ngày 17/12/2025 của V1.

Ông Hoàng Xuân H và bà Hoàng Thanh H1 có quyền liên hệ với cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để ghi chú theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

Về án phí: Ông Hoàng Xuân H được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Tiến

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

Số:...../...../QĐST-.....⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày.....tháng.....năm về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:..../..../TLST-.....⁽³⁾ ngày...tháng... năm.....

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:⁽⁴⁾

.....

.....

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:⁽⁵⁾

.....

.....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố

trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).